



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 08/2026

 **CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ**

Website: [/dsdc.com.vn/](http://dsdc.com.vn/) & [/tntplaw.vn/](http://tntplaw.vn/)

Liên hệ: (+84) 93 179 8818

MỤC LỤC

LUẬT XÂY DỰNG 2025 – QUY ĐỊNH MỚI VỀ PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG	Trang
1. Các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng theo Luật Xây dựng 2025	02
2. Áp dụng mô hình giải quyết tranh chấp theo thông lệ quốc tế	03
3. Yêu cầu đối với thành viên Ban xử lý tranh chấp	04
4. Tranh chấp không mặc nhiên làm dừng thực hiện hợp đồng	04
5. Quy định riêng đối với dự án đầu tư công và dự án PPP	04
6. Những lưu ý khi soạn thảo hợp đồng xây dựng	05
MỘT SỐ ĐIỂM MỚI ĐÁNG CHÚ Ý VỀ QUẢN LÝ THUẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 252/2026/NĐ-CP	Trang
1. Người đại diện theo pháp luật có thể bị tạm hoãn xuất cảnh khi doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký	06
2. Doanh nghiệp chuyển trụ sở sang tỉnh khác không phải hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi chuyển	07
3. Hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh khi nợ thuế còn dưới ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh	07
4. Chưa áp dụng cường chế đối với khoản nợ thuế ở mức rất nhỏ	08
5. Bổ sung các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế, khoản thu khác	09
THÔNG TƯ 18/2019/TT-NHNN VỀ THU HỒI NỢ QUY ĐỊNH GÌ KHI CÔNG TY TÀI CHÍNH NHẮC NỢ	Trang
1. Thông tư 18 về thu hồi nợ là gì và có ý nghĩa gì?	10
2. Quy định về gọi điện nhắc nợ theo Thông tư 18	11
3. Công ty tài chính có được gọi người thân để đòi nợ không theo Thông tư 18?	12
4. Bị gọi điện đòi nợ sai quy định thì cần làm gì?	13
5. Câu hỏi thường gặp về Thông tư 18?	13

LUẬT XÂY DỰNG 2025 – QUY ĐỊNH MỚI VỀ PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Một trong những nội dung đáng chú ý của Luật Xây dựng mới là việc hoàn thiện phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng thông qua việc bổ sung khả năng áp dụng các mô hình xử lý tranh chấp theo thông lệ quốc tế.

Theo đó, quy định này đã được hướng dẫn tại Điều 17 Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng. Theo đó, bên cạnh thương lượng, hòa giải, trọng tài và Tòa án, các bên có thể thiết lập **Ban xử lý tranh chấp** nhằm xử lý tranh chấp ngay trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Trong bài viết này, TNTP sẽ phân tích những điểm mới đáng chú ý về phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng theo Luật Xây dựng 2025.

1. Các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng theo Luật Xây dựng 2025

Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 86 Luật Xây dựng 2025, tranh chấp hợp đồng xây dựng có thể được xử lý thông qua các phương thức sau:

- Thương lượng;
- Hòa giải;
- Áp dụng các mô hình xử lý tranh chấp theo thông lệ quốc tế;
- Trọng tài;
- Tòa án.

Như vậy, so với Luật Xây dựng 2014, Luật Xây dựng 2025 đã **bổ sung phương thức áp dụng các mô hình xử lý tranh chấp theo thông lệ quốc tế** vào nhóm các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng.

Trước đây, Điểm b Khoản 8 Điều 146 Luật Xây dựng 2014 quy định các bên có trách nhiệm tự thương lượng giải quyết tranh chấp; nếu không tự thương lượng được thì tranh chấp được giải quyết thông qua hòa giải, trọng tài thương mại hoặc Tòa án.

Tuy nhiên, cách tiếp cận của Luật Xây dựng 2025 có sự thay đổi đáng kể. Theo đó, thay vì quy định theo hướng các bên phải thương lượng và chỉ khi thương lượng không thành mới chuyển sang các phương thức giải quyết tranh chấp khác, Điểm a Khoản 5 Điều 86 Luật Xây dựng 2025 đã liệt kê các phương thức giải quyết tranh chấp, đồng thời Điều 17 Nghị định 210/2026/NĐ-CP xác định việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận.

Như vậy, khi xây dựng hợp đồng, các bên cần quy định rõ phương thức, trình tự và điều kiện chuyển từ một phương thức giải quyết tranh chấp sang phương thức khác, thay vì chỉ dẫn chiếu chung chung đến pháp luật.

LUẬT XÂY DỰNG 2025 – QUY ĐỊNH MỚI VỀ PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

2. Áp dụng mô hình giải quyết tranh chấp theo thông lệ quốc tế

Điểm mới theo quy định Khoản 5 Điều 86 Luật Xây dựng 2025 là việc pháp luật chính thức ghi nhận mô hình xử lý tranh chấp theo thông lệ quốc tế trong hợp đồng xây dựng. Bên cạnh đấy, Nghị định 210/2026/NĐ-CP tiếp tục cụ thể hóa phương thức này và gọi chung là **"Ban xử lý tranh chấp"**.

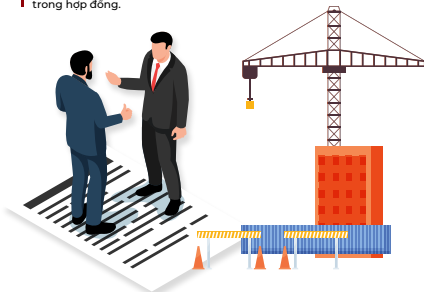
Theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định 210/2026/NĐ-CP, Ban xử lý tranh chấp có thể được các bên thỏa thuận thành lập:

- Ngay sau khi ký kết hợp đồng và hoạt động thường trực trong quá trình thực hiện hợp đồng; hoặc
- Sau khi tranh chấp đã phát sinh.

Đồng thời, các bên được quyền thỏa thuận trong hợp đồng về số lượng; tiêu chuẩn, trình độ, kinh nghiệm của các thành viên tham gia Ban xử lý tranh chấp; cũng như trình tự, thủ tục tiếp theo nếu một bên không đồng ý với kết quả xử lý tranh chấp.

Quy định này tạo điều kiện để tranh chấp được xử lý ngay trong quá trình triển khai dự án, đặc biệt đối với những hợp đồng có thời gian thực hiện dài, khối lượng lớn hoặc có tính chất phức tạp. Thay vì để tranh chấp kéo dài đến khi dự án hoàn thành rồi mới đưa ra trọng tài hoặc tòa án, các bên có thể thiết lập một cơ chế chuyên môn để xử lý các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng quyết định, khuyến nghị phân xử của Ban xử lý tranh chấp không mặc nhiên có giá trị ràng buộc trong mọi trường hợp. Mức độ ràng buộc và thủ tục xử lý tiếp theo nếu một bên không đồng ý phải được các bên quy định cụ thể trong hợp đồng.



LUẬT XÂY DỰNG 2025 – QUY ĐỊNH MỚI VỀ PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

3. Yêu cầu đối với thành viên Ban xử lý tranh chấp

Để bảo đảm tính khách quan của phương thức này, Điểm b Khoản 3 Điều 17 Nghị định 210/2026/NĐ-CP quy định thành viên Ban xử lý tranh chấp phải bảo đảm tính khách quan, độc lập và không có xung đột lợi ích với các bên. Đồng thời, nguyên tắc chung là mỗi bên chịu một nửa chi phí chi trả cho thành viên Ban xử lý tranh chấp và các chi phí liên quan, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Như vậy, khi lựa chọn áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp này, ngoài điều khoản về phương thức xử lý tranh chấp, các bên nên thỏa thuận ngay từ khi ký hợp đồng về cơ chế lựa chọn thành viên, tiêu chuẩn chuyên môn, chi phí hoạt động và giá trị pháp lý của kết quả xử lý tranh chấp.

4. Tranh chấp không mặc nhiên làm dừng thực hiện hợp đồng

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định 210/2026/NĐ-CP, trong quá trình giải quyết tranh chấp, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng đối với những công việc không bị ảnh hưởng bởi nội dung tranh chấp và không được làm gián đoạn việc thực hiện hợp đồng. Ngoại lệ được đặt ra trong trường hợp bất khả kháng, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thuộc trường hợp được tạm dừng hợp đồng theo quy định pháp luật.

Quy định này có ý nghĩa thực tiễn đáng kể đối với các dự án xây dựng. Trong nhiều trường hợp, tranh chấp chỉ liên quan đến một phần công việc, chẳng hạn như khối lượng phát sinh, điều chỉnh đơn giá hoặc nghĩa vụ thanh toán. Việc phát sinh tranh chấp đối với một phần công việc không đồng nghĩa với việc một bên được quyền dừng toàn bộ dự án nếu không có căn cứ theo hợp đồng hoặc quy định pháp luật.

Theo đó, doanh nghiệp cần phân biệt giữa quyền giải quyết tranh chấp và quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng, tránh tình trạng tự ý dừng thi công hoặc dừng thực hiện nghĩa vụ và từ đó phát sinh trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng.

5. Quy định riêng đối với dự án đầu tư công và dự án PPP

Đối với dự án đầu tư công và dự án PPP, Điểm b Khoản 5 Điều 86 Luật Xây dựng 2025 đặt ra một số yêu cầu riêng, cụ thể như sau:

LUẬT XÂY DỰNG 2025 – QUY ĐỊNH MỚI VỀ PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Liên quan đến việc giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài, trường hợp các bên lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp thì “ưu tiên” các tổ chức trọng tài trong nước.

Đối với dự án đầu tư công và dự án PPP, việc áp dụng mô hình giải quyết tranh chấp theo thông lệ quốc tế được thực hiện theo yêu cầu của điều ước quốc tế; hoặc phải được người quyết định đầu tư cho phép và được các bên thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng.

Như vậy, đối với nhóm dự án này, việc áp dụng Ban xử lý tranh chấp không hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của hai bên trong hợp đồng mà còn phải đáp ứng các điều kiện quản lý đầu tư theo quy định của Luật.

Đối với chi phí giải quyết tranh chấp, Luật Xây dựng 2025 cũng quy định chi phí giải quyết tranh chấp của chủ đầu tư, nếu phát sinh, được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

Theo đó, quy định này tạo cơ sở pháp lý rõ ràng hơn để chủ đầu tư dự trù và quản lý chi phí khi hợp đồng có cơ chế giải quyết tranh chấp chuyên biệt.

6. Những lưu ý khi soạn thảo hợp đồng xây dựng

Từ ngày 01/7/2026, Luật Xây dựng 2025 và Nghị định 210/2026/NĐ-CP cùng có hiệu lực, đồng thời Nghị định 210/2026/NĐ-CP thay thế Nghị định 37/2015/NĐ-CP và các quy định sửa đổi có liên quan về hợp đồng xây dựng. Theo đó, đối với các hợp đồng xây dựng được chuẩn bị hoặc ký kết theo hệ thống pháp luật mới, các bên nên đặc biệt rà soát điều khoản giải quyết tranh chấp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính mình.

Việc quy định đầy đủ, chính xác và phù hợp với bối cảnh vụ việc, dự án ngay từ giai đoạn soạn thảo hợp đồng có thể giảm thiểu rủi ro khi có tranh chấp phát sinh. Bên cạnh đấy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như những trách nhiệm pháp lý phát sinh trong tương lai, các bên cần tìm kiếm những đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp.

Như vậy, Luật Xây dựng 2025 đã có sự điều chỉnh đáng kể trong quy định về phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng khi không chỉ tiếp tục ghi nhận các phương thức giải quyết tranh chấp cơ bản như thương lượng, hòa giải, trọng tài và Tòa án mà còn bổ sung mô hình xử lý tranh chấp theo thông lệ quốc tế.

Bên cạnh đấy, đối với doanh nghiệp, chủ đầu tư và nhà thầu, điểm cần lưu ý không chỉ là lựa chọn trọng tài hay tòa án mà còn là xây dựng ngay từ đầu một cơ chế giải quyết tranh chấp cụ thể, chi tiết, rõ ràng và phù hợp với đặc điểm của từng dự án.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI ĐÁNG CHÚ Ý VỀ QUẢN LÝ THUẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 252/2026/NĐ-CP

Ngày 30/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 252/2026/NĐ-CP ("**Nghị định 252**") quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế. Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 và thay thế Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 91/2022/NĐ-CP, Nghị định số 49/2025/NĐ-CP, Nghị định số 117/2025/NĐ-CP và Nghị định số 373/2025/NĐ-CP.

Nghị định 252 đã bổ sung, sửa đổi nhiều quy định về đăng ký thuế, khai và nộp thuế, quản lý nợ thuế, tạm hoãn xuất cảnh. Trong bài viết này, TNTP sẽ giới thiệu một số điểm mới đáng chú ý của Nghị định 252 mà các tổ chức, cá nhân kinh doanh, đặc biệt là doanh nghiệp cần lưu ý.

1. Người đại diện theo pháp luật có thể bị tạm hoãn xuất cảnh khi doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký

Một trong những điểm mới đáng chú ý của Nghị định 252 là quy định về trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có thể bị tạm hoãn xuất cảnh khi doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định 252 quy định trường hợp cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thuộc trường hợp cơ quan quản lý thuế đủ căn cứ xác định và đã ban hành thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký sẽ bị tạm hoãn xuất cảnh nếu sau 120 ngày kể từ ngày cơ quan thuế ban hành thông báo mà không thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

Như vậy, sau 120 ngày kể từ ngày cơ quan thuế ban hành thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký mà doanh nghiệp không thực hiện một trong hai thủ tục (i) khôi phục mã số thuế hoặc (ii) chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị tạm hoãn xuất cảnh.



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI ĐÁNG CHÚ Ý VỀ QUẢN LÝ THUẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 252/2026/NĐ-CP

2. Doanh nghiệp chuyển trụ sở sang tỉnh khác không phải hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi chuyển

Nghị định 252 đã sửa đổi quy định về việc thực hiện nghĩa vụ thuế khi người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố khác.

Theo quy định trước đây tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, người nộp thuế phải thực hiện các thủ tục về thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang địa bàn cấp tỉnh khác, bao gồm nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế, nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

Theo điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định 252, đối với người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở sang địa bàn cấp tỉnh khác dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, sau khi hoàn thành thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở, người nộp thuế tiếp tục thực hiện các thủ tục về thuế và nghĩa vụ chưa hoàn thành như nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế, nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác, với cơ quan thuế nơi đi.

Như vậy, thay vì phải hoàn thành các thủ tục về thuế với cơ quan thuế nơi đi trước khi thay đổi địa chỉ trụ sở, theo Nghị định 252, doanh nghiệp có thể thực hiện thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở trước, sau đó tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ thuế chưa hoàn thành với cơ quan thuế nơi đi.

3. Hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh khi nợ thuế còn dưới ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh

Nghị định 252 đã thay đổi điều kiện hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đối với trường hợp người nộp thuế bị tạm hoãn xuất cảnh do nợ thuế. Cụ thể:

Trước đây, đối với việc áp dụng tạm hoãn xuất cảnh, Nghị định số 49/2025/NĐ-CP đã đưa ra ngưỡng nợ thuế để áp dụng biện pháp này. Theo đó, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có số tiền thuế nợ từ 500 triệu đồng trở lên, cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh có số tiền thuế nợ từ 50 triệu đồng trở lên và đã quá thời hạn nộp trên 120 ngày thì thuộc trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh. Tuy nhiên, các ngưỡng nợ thuế này chỉ được quy định làm căn cứ áp dụng tạm hoãn xuất cảnh, chưa được quy định là căn cứ để hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI ĐÁNG CHÚ Ý VỀ QUẢN LÝ THUẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 252/2026/NĐ-CP

Đối với việc hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh, điểm c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định trường hợp người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì cơ quan quản lý thuế ban hành văn bản hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để thực hiện hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh. Theo đó, người nộp thuế cần phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để được hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh.

Hiện nay, theo điểm a.1 khoản 5 Điều 28 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, đối với trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh ngay sau khi xác định người nộp thuế đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế mà số tiền thuế nợ còn phải nộp dưới 50 triệu đồng đối với cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh hoặc dưới 500 triệu đồng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tương ứng với ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh, hoặc người nộp thuế được xóa tiền thuế nợ theo quy định.

Như vậy, từ ngày 01/7/2026, thay vì phải hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ thuế, người nộp thuế có thể được hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh khi số tiền thuế nợ còn phải nộp dưới ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh, cụ thể là dưới 50 triệu đồng đối với cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và dưới 500 triệu đồng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Chưa áp dụng cưỡng chế đối với khoản nợ thuế ở mức rất nhỏ

Nghị định 252 bổ sung quy định về trường hợp chưa áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế khi số tiền thuế nợ ở mức rất nhỏ. Cụ thể:

Theo điểm b khoản 3 Điều 65 Nghị định 252, cơ quan quản lý thuế chưa áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với người nộp thuế khi tổng số tiền thuế nợ thuộc trường hợp bị cưỡng chế không vượt quá 3 triệu đồng đối với tổ chức hoặc 1 triệu đồng đối với hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân, cá nhân kinh doanh, trừ trường hợp người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Quy định trên giúp tạo thêm thời gian để người nộp thuế xử lý các khoản nợ thuế có giá trị rất nhỏ trước khi bị áp dụng biện pháp cưỡng chế. Đồng thời, việc chưa áp dụng cưỡng chế đối với các khoản nợ dưới ngưỡng quy định cũng giúp giảm số lượng khoản nợ mà cơ quan quản lý thuế phải áp dụng biện pháp cưỡng chế.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI ĐÁNG CHÚ Ý VỀ QUẢN LÝ THUẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 252/2026/NĐ-CP

5. Bổ sung các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế, khoản thu khác

Nghị định 252 đã mở rộng các trường hợp người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế, khoản thu khác. Theo đó, so với Nghị định 126/2020/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 91/2022/NĐ-CP, quy định mới tại Điều 11 Nghị định 252 bổ sung thêm 06 trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế, khoản thu khác, bao gồm:

Tổ chức, cá nhân là bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay thuế của nhà thầu nước ngoài, thực hiện khai thuế theo tháng nhưng trong tháng không phát sinh việc khấu trừ thuế thì không phải nộp hồ sơ khai thuế (khoản 8).

Một số trường hợp thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng như sử dụng vốn ODA không hoàn lại, tiền viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo hoặc mua hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao thì không phải nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng (khoản 9).

Trường hợp cơ quan thuế đã có đầy đủ thông tin để xác định nghĩa vụ thuế, khoản thu khác từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến thì người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế, khoản thu khác, trừ trường hợp để nghị miễn, giảm trên hồ sơ khai thuế (khoản 10).

Bên Việt Nam trả thu nhập cho tổ chức, cá nhân nước ngoài từ đầu tư trái phiếu quốc tế của Chính phủ Việt Nam hoặc các khoản cho vay đối với Nhà nước, Chính phủ Việt Nam thuộc trường hợp không chịu thuế GTGT và được miễn thuế TNDN thì không phải nộp hồ sơ khai thuế (khoản 11).

Tổ chức thu phí, lệ phí không phải khai theo pháp luật về phí, lệ phí thì không phải nộp hồ sơ khai phí, lệ phí (khoản 12).

Tổ chức, cá nhân được miễn thuế tài nguyên trong một số trường hợp cũng không phải nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên (khoản 13).

Như vậy, Nghị định 252 không chỉ kế thừa các trường hợp đã được quy định trước đây mà còn bổ sung thêm nhiều trường hợp người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế, khoản thu khác.

Nghị định 252/2026/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của cá nhân, tổ chức kinh doanh, từ đăng ký thuế, quản lý nợ thuế đến tạm hoãn xuất cảnh và khai thuế. Việc nắm rõ các thay đổi của Nghị định 252 sẽ giúp các cá nhân, tổ chức chủ động hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, hạn chế phát sinh các thủ tục không cần thiết và kịp thời xử lý các trường hợp có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

THÔNG TƯ 18/2019/TT-NHNN VỀ THU HỒI NỢ QUY ĐỊNH GÌ KHI CÔNG TY TÀI CHÍNH NHẮC NỢ

Thông tư 18/2019/TT-NHNN ("**Thông tư 18**") sửa đổi, bổ sung cho Thông tư 43/2016/TT-NHNN ("**Thông tư 43**") quy định cụ thể về hoạt động nhắc nợ trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng của công ty tài chính. Các quy định này giới hạn số lần gọi điện nhắc nợ, khung thời gian được phép liên hệ, đồng thời nghiêm cấm việc đe dọa, quấy rối hoặc gọi điện cho người không có nghĩa vụ trả nợ.

1. Thông tư 18 về thu hồi nợ là gì và có ý nghĩa gì?

Nhiều người thường hiểu nhầm rằng Thông tư 43 (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18) điều chỉnh mọi hoạt động thu hồi nợ của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Điều 1 và Điều 2 của Thông tư, văn bản này chỉ áp dụng đối với hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính và điều chỉnh các chủ thể có liên quan đến hoạt động này, bao gồm công ty tài chính, khách hàng vay vốn và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Vì vậy, các quy định về nhắc nợ, thu hồi nợ trong Thông tư không áp dụng chung cho mọi doanh nghiệp hoặc mọi hoạt động thu hồi nợ mà chỉ áp dụng đối với hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính. Chẳng hạn, hoạt động thu hồi nợ do các tổ chức hành nghề luật sư thực hiện theo hợp đồng dịch vụ pháp lý hoặc hoạt động thu hồi các khoản nợ phát sinh từ quan hệ thương mại giữa các doanh nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này. Cần lưu ý rằng, trong trường hợp công ty tài chính ủy quyền cho tổ chức hành nghề luật sư thực hiện hoạt động nhắc nợ, thu hồi nợ đối với khoản vay tiêu dùng thì tổ chức hành nghề luật sư thực hiện công việc với tư cách là đại diện theo ủy quyền của công ty tài chính. Do đó, hoạt động nhắc nợ vẫn được thực hiện nhân danh công ty tài chính và phải tuân thủ các quy định của Thông tư này.

Trước đây, pháp luật chỉ quy định công ty tài chính được áp dụng các biện pháp đôn đốc thu hồi nợ mà chưa giới hạn cụ thể về số lần gọi điện hay việc liên hệ với người thân của khách hàng, dẫn đến tình trạng nhiều người bị gọi điện liên tục hoặc người không có nghĩa vụ trả nợ vẫn bị làm phiền. Để khắc phục tình trạng này, Điểm đ Khoản 2 Điều 7 Thông tư 43 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18) đã bổ sung các quy định cụ thể về hoạt động nhắc nợ, qua đó vừa bảo đảm quyền thu hồi nợ hợp pháp của công ty tài chính, vừa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng.



THÔNG TƯ 18/2019/TT-NHNN VỀ THU HỒI NỢ QUY ĐỊNH GÌ KHI CÔNG TY TÀI CHÍNH NHẮC NỢ

2. Quy định về gọi điện nhắc nợ theo Thông tư 18

Một trong những điểm mới quan trọng của Thông tư 43 (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18) là giới hạn số lần nhắc nợ trong ngày của công ty tài chính. Theo Điểm đ Khoản 2 Điều 7 Thông tư 43 (sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Thông tư 18), công ty tài chính chỉ được thực hiện nhắc nợ tối đa 05 lần trong một ngày. Hình thức nhắc nợ và thời gian nhắc nợ do các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay tiêu dùng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Quy định này nhằm hạn chế tình trạng khách hàng bị gọi điện quá nhiều lần, gây áp lực tâm lý và ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc. Theo đó, việc giới hạn tối đa 05 lần nhắc nợ mỗi ngày giúp bảo đảm hoạt động thu hồi nợ được thực hiện đúng quy định, văn minh và không trở thành hành vi quấy rối hoặc vi phạm pháp luật.

Bên cạnh giới hạn số lần gọi điện, Thông tư 43 (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18) còn quy định rõ khung thời gian được phép thực hiện việc nhắc nợ. Theo Điểm đ Khoản 2 Điều 7 Thông tư 43 (sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Thông tư 18), thời gian nhắc nợ do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải nằm trong khoảng từ 7 giờ đến 21 giờ. Quy định này nhằm bảo đảm quyền nghỉ ngơi và sinh hoạt bình thường của khách hàng, đồng thời hạn chế tình trạng nhắc nợ gây ảnh hưởng đến đời sống cá nhân. Vì vậy, việc công ty tài chính gọi điện nhắc nợ trước 7 giờ hoặc sau 21 giờ là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Không chỉ vậy, Thông tư 43 (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18) xác định thu hồi nợ là quyền hợp pháp của công ty tài chính, tuy nhiên, công ty tài chính không được sử dụng mọi biện pháp để buộc khách hàng thanh toán. Theo Điểm đ Khoản 2 Điều 7 Thông tư 43 (sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Thông tư 18), các biện pháp đơn đốc, thu hồi nợ không được bao gồm biện pháp đe dọa đối với khách hàng.

Đồng thời, hoạt động thu hồi nợ phải bảo đảm tính chuyên nghiệp và tuân thủ pháp luật. Theo Khoản 7 Điều 10a Thông tư 18, công ty tài chính có trách nhiệm đào tạo, quản lý nhân viên nhằm bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy, các hành vi đe dọa, xúc phạm hoặc gây áp lực tinh thần đối với khách hàng đều không được phép.

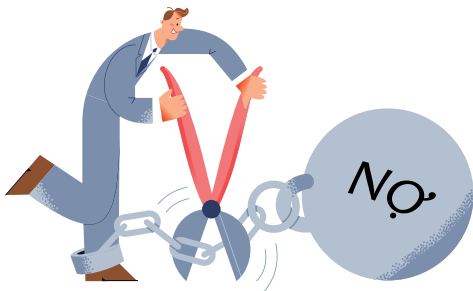
THÔNG TƯ 18/2019/TT-NHNN VỀ THU HỒI NỢ QUY ĐỊNH GÌ KHI CÔNG TY TÀI CHÍNH NHẮC NỢ

3. Công ty tài chính có được gọi người thân để đòi nợ không theo Thông tư 18?

Điểm đ Khoản 2 Điều 7 Thông tư 43 (sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Thông tư 18) quy định công ty tài chính không được nhắc nợ, đòi nợ hoặc gửi thông tin về việc thu hồi nợ đối với tổ chức, cá nhân không có nghĩa vụ trả nợ, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh chị em, bạn bè hoặc đồng nghiệp của người có nghĩa vụ thanh toán không mặc nhiên phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản vay nếu họ không phải là bên vay, bên bảo lãnh hoặc chủ thể có nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

Do đó, nếu công ty tài chính liên tục gọi điện yêu cầu người thân của khách hàng trả nợ thay, đe dọa sẽ tiếp tục làm phiền nếu khoản vay chưa được thanh toán hoặc gây sức ép buộc người thân phải đứng ra trả tiền thì đây là hành vi không phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời, công ty tài chính cũng không được đề nghị người thân, bạn bè, đồng nghiệp cung cấp số điện thoại, địa chỉ liên hệ mới hay nhờ chuyển lời yêu cầu khách hàng thanh toán bởi lẽ, những cá nhân này không phải là người có nghĩa vụ trả nợ.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng quy định này không đồng nghĩa với việc công ty tài chính hoàn toàn không được liên hệ với người không có nghĩa vụ thanh toán trong mọi trường hợp. Chẳng hạn, nếu khách hàng đã đăng ký người tham chiếu để phục vụ quá trình xác minh thông tin trước khi giải ngân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin thì việc liên hệ có thể được thực hiện trong phạm vi pháp luật cho phép. Thông tư 18 không quy định cụ thể về việc liên hệ người tham chiếu trong quá trình thu hồi nợ. Do đó, việc liên hệ (nếu có) phải bảo đảm tuân thủ các quy định về bảo vệ thông tin khách hàng và không được thực hiện theo cách thức bị cấm tại Điểm đ Khoản 2 Điều 7 Thông tư 43 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18)



THÔNG TƯ 18/2019/TT-NHNN VỀ THU HỒI NỢ QUY ĐỊNH GÌ KHI CÔNG TY TÀI CHÍNH NHẮC NỢ

4. Bị gọi điện đòi nợ sai quy định thì cần làm gì?

Thứ nhất, lưu giữ chứng cứ về hành vi đòi nợ trái quy định. Khách hàng nên lưu lại lịch sử cuộc gọi, bản ghi âm (nếu có), tin nhắn, email hoặc các tài liệu khác chứng minh việc công ty tài chính gọi điện quá số lần cho phép, gọi ngoài khung giờ từ 7 giờ đến 21 giờ hoặc liên hệ với người không có nghĩa vụ trả nợ. Đây là căn cứ quan trọng để khiếu nại hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Thứ hai, thực hiện khiếu nại đến công ty tài chính. Sau khi có đầy đủ chứng cứ, khách hàng nên gửi khiếu nại trực tiếp đến công ty tài chính để yêu cầu kiểm tra và chấm dứt hành vi vi phạm. Theo khoản 5 và khoản 6 Điều 10a Thông tư 18/2019/TT-NHNN, công ty tài chính có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết khiếu nại và trả lời trong thời hạn 48 giờ đối với khiếu nại liên quan đến biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ hoặc việc đòi tiền người không có nghĩa vụ trả nợ; đối với các nội dung khác, thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận khiếu nại.

Thứ ba, phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết. Nếu công ty tài chính không giải quyết hoặc tiếp tục có hành vi đòi nợ trái quy định, khách hàng có thể phản ánh hoặc khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Theo Điều 10b Thông tư 18/2019/TT-NHNN, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm thanh tra, giám sát và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền. Đây là cơ chế giúp bảo vệ quyền lợi của khách hàng và bảo đảm hoạt động thu hồi nợ được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

5. Câu hỏi thường gặp về Thông tư 18?

Gọi nhắc nợ quá 5 lần mỗi ngày có vi phạm không?

Theo Điểm đ Khoản 2 Điều 7 Thông tư 43 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18, công ty tài chính chỉ được nhắc nợ tối đa 05 lần trong một ngày. Giới hạn này áp dụng đối với hoạt động nhắc nợ, đôn đốc thu hồi nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay tiêu dùng giữa công ty tài chính và khách hàng.

Do đó, nếu công ty tài chính hoặc đơn vị được ủy quyền liên tục gọi điện vượt quá số lần nêu trên nhằm gây sức ép buộc khách hàng thanh toán thì đây là hành vi có dấu hiệu không phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp này, khách hàng nên lưu giữ lịch sử cuộc gọi, bản ghi âm hoặc các tài liệu liên quan để làm căn cứ khiếu nại.

THÔNG TƯ 18/2019/TT-NHNN VỀ THU HỒI NỢ QUY ĐỊNH GÌ KHI CÔNG TY TÀI CHÍNH NHẮC NỢ

Gọi điện đòi nợ sau 21 giờ có đúng luật không?

Theo Điểm đ Khoản 2 Điều 7 Thông tư 43 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18, thời gian nhắc nợ do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng chỉ được thực hiện trong khoảng từ 7 giờ đến 21 giờ. Vì vậy, việc gọi điện trước 7 giờ sáng hoặc sau 21 giờ tối để nhắc nợ không phù hợp với giới hạn mà pháp luật cho phép, ngay cả khi khách hàng đang có khoản nợ quá hạn.

Nếu tình trạng này diễn ra nhiều lần, khách hàng có thể yêu cầu công ty tài chính chấm dứt hành vi vi phạm và thực hiện quyền khiếu nại theo quy định tại Điều 10a Thông tư 18.

Không vay tiền nhưng bị gọi đòi nợ thì xử lý thế nào?

Theo Điểm đ Khoản 2 Điều 7 Thông tư 43 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18, công ty tài chính không được nhắc nợ, đòi nợ hoặc gửi thông tin về việc thu hồi nợ đối với tổ chức, cá nhân không có nghĩa vụ trả nợ, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Do đó, nếu cá nhân không phải là người vay, người bảo lãnh hoặc chủ thể có nghĩa vụ liên quan đến khoản vay thì có quyền yêu cầu công ty tài chính chấm dứt việc liên hệ. Đồng thời, nên lưu giữ các bằng chứng về cuộc gọi hoặc tin nhắn để gửi khiếu nại đến công ty tài chính. Trường hợp đơn vị cho vay tài chính vẫn tiếp tục làm phiền hoặc tiết lộ thông tin khoản vay trái quy định, cá nhân có thể phản ánh đến Ngân hàng Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền để được xem xét xử lý.

Người thân của người có khoản vay có quyền từ chối cung cấp thông tin về số điện thoại hoặc địa chỉ mới của người vay không?

Pháp luật hiện hành không quy định người thân của người vay có nghĩa vụ phải cung cấp số điện thoại, địa chỉ hoặc thông tin liên hệ mới của người vay cho công ty tài chính. Nếu không có nghĩa vụ liên quan đến khoản vay, người được liên hệ có quyền từ chối cung cấp thông tin và yêu cầu công ty tài chính chấm dứt việc liên hệ. Trường hợp vẫn tiếp tục bị liên hệ, người đó nên lưu giữ chứng cứ để khiếu nại theo quy định.

Thông tư 43/2016/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18/2019/TT-NHNN đã thiết lập khung pháp lý rõ ràng đối với hoạt động nhắc nợ và thu hồi nợ của công ty tài chính trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng. Việc nắm rõ các quy định về thu hồi nợ không chỉ giúp người vay hiểu đúng quyền và nghĩa vụ của mình mà còn góp phần hạn chế các hành vi thu hồi nợ trái pháp luật. **Trong trường hợp bị nhắc nợ không đúng quy định hoặc phát sinh tranh chấp liên quan đến hoạt động thu hồi nợ, Luật sư của TNTP có thể hỗ trợ rà soát hồ sơ, đánh giá tính hợp pháp của hành vi thu hồi nợ, tư vấn phương án xử lý, đại diện thực hiện khiếu nại và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng theo quy định của pháp luật.**

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 08/2026

CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ

Văn phòng tại Hồ Chí Minh:

Phòng 1901, Tầng 19, Tòa nhà Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Liên hệ: (+84) 903 503 285 - (+84) 282 220 0911

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

Văn phòng tại Hà Nội:

Số 2, Ngõ 308 Tây Sơn, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Liên hệ: (+84) 931 798 818

Email: ha.nguyen@tntplaw.com.vn

Văn phòng tại Đà Nẵng:

31 Đường Trần Phú, phường Hải Châu, Đà Nẵng

Liên hệ: (+84) 903 503 285

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

 [/dsdc.com.vn/](https://dsdc.com.vn/) & [/tntplaw.vn/](https://tntplaw.vn/)

 [/giaiquyettranhchaphvathuhoino/](https://giaiquyettranhchaphvathuhoino/)